

TÍN NGƯỠNG, LỄ HỘI THỜ CÚNG CÁ ÔNG CỦA NGƯỜI VIỆT Ở ĐẢO CÙ LAO CHÀM, THÀNH PHỐ HỘI AN, TỈNH QUẢNG NAM

Tóm tắt: Từ bao đời nay, người Việt luôn có tâm thức hướng ra biển, vừa để mưu sinh vừa bảo vệ chủ quyền lãnh thổ của quốc gia. Đất liền luôn đan xen, hòa quyện với đại dương, hình thành nên một môi trường sinh thái nhân văn, an ninh, an toàn mỗi khi ngư dân ra biển, nhưng đồng thời cũng có nhiều hiểm nguy khi có sóng to, gió lớn ngoài đại dương. Trong điều kiện tự nhiên như vậy, ngư dân ở các làng ven biển, trong đó tập trung ở các tỉnh Trung Bộ, đã hình thành nên tín ngưỡng thờ cúng cá Ông rất đặc sắc. Tuy phong tục, tín ngưỡng, lễ hội thờ loài cá này giữa ngư dân ở các tỉnh miền Trung có những nét tương đồng nhưng nghiên cứu sâu sẽ phát hiện ra ở đảo Cù Lao Chàm có một số điểm khác biệt. Bài viết này sẽ tập trung nghiên cứu về tín ngưỡng, lễ hội thờ cá Ông ở hòn đảo này để chỉ ra một số giá trị di sản văn hóa phi vật thể đặc sắc ở làng Ngư Ông, Cù Lao Chàm.

Từ khóa: Tín ngưỡng; lễ hội; Cá Ông; người Việt; Cù Lao Chàm.

Dẫn nhập

Tín ngưỡng, lễ hội thờ cá Ông ở nước ta có nhiều tên gọi: lễ Cầu ngư, Nghinh Ông, Nghinh Ông Thủy tướng, Nam Hải Đại vương, Đông Hải đại vương, Đại Càn Nam Hải tướng quân, Đông Hải Ngọc Long Tôn thần..., trong đó tên gọi phổ biến nhất là *lễ cúng cá Ông*. Sự đa dạng về tên gọi là do phong tục, tập quán, tín ngưỡng ở từng địa

* Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Ngày nhận bài: 20/4/2022; Ngày biên tập: 14/7/2022; Duyệt đăng: 15/8/2022.

phương. Tín ngưỡng thờ cá Ông là niềm tin mãnh liệt của ngư dân vào một loài cá lớn sống ở đại dương, vùng biển sâu, tên gọi cá Ông biểu thị sự tôn trọng, sùng kính giống như con người. Mỗi lần ra biển vào dịp đầu năm (hạ thủy) hay sửa chữa, đóng/mua mới thuyền, ngư dân thường thắp hương tại các di tích (đình, đền, lăng, miếu) thờ cá Ông, ở mũi thuyền với mong muốn được các vị thần biển che chở, cứu giúp ngư dân đi biển tránh được thiên tai, gió bão, sóng dữ, thủy nạn, trở về nhà bình an và cầu mong đánh bắt được nhiều hải sản, cuộc sống ấm no, may mắn, an lành, hạnh phúc. Cũng như các ngư dân tại các làng ven biển miền Trung, Nam Bộ, cộng đồng người Việt ở đảo Cù Lao Chàm, ngoài thờ Phật, thành hoàng, thủy thần, Ngũ hành Tiên nương, âm linh, tổ tiên, còn thờ cá Ông làm *thần biển*, với danh xưng *phúc thần*, bởi tương truyền, họ luôn được loài cá này cứu giúp mỗi khi gặp nạn trên biển. Trong tâm thức người Việt ở đảo Cù Lao Chàm, đất, nước, biển là ba nguồn lợi nhân sinh chính. Đất là cơ sở trồng trọt sản xuất, mang lại nguồn sống và cũng là nơi cư trú, bao che con người từ khi mới sinh ra đến khi chết. Nước là nguồn nguyên liệu thiên nhiên không thể thiếu để cấy lúa, trồng màu và sử dụng trong sinh hoạt của con người [Nguyễn Duy Hình, 2004: 56-57]. Và hơn nữa, biển không chỉ mang lại nguồn lợi vật chất từ đại dương để duy trì cuộc sống của ngư dân mà còn là tinh thần, văn hoá tâm linh của họ gửi gắm vào biển cả. Vì vậy, trong tâm thức của ngư dân, biển đảo là đất nước, là nhà, là cuộc sống mưu sinh ấm no, hạnh phúc. Với ba yếu tố (đất, nước, biển) nêu trên, một cách tự nhiên đã sớm hình thành trong ứng xử của cộng đồng người Việt trên đảo Cù Lao Chàm về tâm thức hòa hợp giữa lục địa và đại dương; giữa đất liền và biển cả [Nguyễn Văn Kim, chủ biên, 2020: 10] được thể hiện trong thực hành tín ngưỡng thờ cá Ông và phối thờ các bậc “Tiền hiền khai khẩn, Hậu hiền khai cơ” tại các di tích trên đảo Cù Lao Chàm, trong đó tiêu biểu nhất tại lăng Ngư Ông (thôn Bãi Làng, xã Tân Hiệp, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam).

Lăng Ngư Ông không chỉ có giá trị nghiên cứu về kiến trúc, mỹ thuật, lịch sử, văn hóa, tín ngưỡng, lễ hội, tập tục mà còn bao hàm cả công năng xã hội với nhiều phương diện khác nhau¹, trong đó tiêu biểu là sự cố kết cộng đồng xã hội thông qua nghi thức mai táng khi cá Ông bị “lụy” vào bờ và ngày lễ hội Nghinh Ông. Không gian lăng

Ngư Ông vừa mang giá trị văn hóa vật thể vừa mang giá trị văn hóa phi vật thể, trong đó thực hành nghi lễ, lễ hội giữ vai trò quan trọng. Di tích này xây dựng ở vị trí trung tâm của xã đảo Tân Hiệp nên có nhiều ngư dân sinh sống và quy tụ các thành viên trong cộng đồng gắn kết với nhau để bảo tồn, duy trì các thực hành nghi lễ thờ cúng cá Ông ở đây, từ đó tạo nên một bản sắc văn hóa tín ngưỡng, lễ hội thờ cúng cá Ông có nhiều điểm khác với ngư dân trong đất liền. Lễ hội Nghinh Ông được tổ chức vào ngày mùng ba, mùng bốn tháng Tư âm lịch, gồm hai phần chính là lễ và hội.

1. Vài nét về đảo Cù Lao Chàm

Đảo Cù Lao Chàm thuộc xã Tân Hiệp, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam, cách đất liền khoảng 20 km. Đây là hòn đảo có nhiều giá trị khoa học về tự nhiên, kinh tế, văn hóa, xã hội trước đây và hiện nay. Từ kết quả nghiên cứu khảo cổ học qua các hiện vật khai quật ở di tích khảo cổ Bãi Ông, Bãi Làng cho thấy dấu vết của con người đã sinh sống ở Cù Lao Chàm là lớp cư dân Tiền Sa Huỳnh cách đây khoảng 3.000 năm [Nguyễn Chí Trung, 2007: 93] và họ đã sử dụng hòn đảo này như là tiền cảng để trao đổi với các thương thuyền Ấn Độ, Trung Quốc và nhiều nước khác. Với vị trí là một đảo tiền tiêu nằm trên “con đường tơ lụa” trên biển dưới thời phong kiến, Cù Lao Chàm đã được đề cập nhiều trong các tác phẩm ký sự, các ấn phẩm nước ngoài qua các thời kỳ của các nhà thám hiểm, truyền giáo, thương nhân mô tả về toạ độ vị trí địa lý, cuộc sống, nghề nghiệp của người dân nơi đây gắn với biển. Sách *Hải Ngoại ký sự* của Thích Đại Sán đã ghi lại những nét cơ bản về đời sống của người dân Cù Lao Chàm trong thời kỳ Chăm Pa, Đại Việt ở thế kỷ XVII, phần nào cho hậu thế hiểu được vai trò của hòn đảo này. Đây vừa là điểm dừng chân lấy chất đốt, nước ngọt của các thuyền buôn phương Tây, vừa là điểm kết nối giữa cư dân hải đảo với vương quốc Chăm Pa xưa [Nguyễn Chí Trung, 2007: 93-95].

Xưa hòn đảo này có nhiều tên gọi, như: đảo Ngọa Long, hòn Cù Lao, núi Bất Lao, ... ở vị trí làm trấn sơn cho cửa biển Đại Chiêm; ruộng đất trên núi có thể cày cấy, thuyền bè nước ta thường trông núi này làm điểm đi về, dừng ở đây lấy củi, lấy nước ngọt [Đỗ Thị Ngọc

Uyển, 2014: 6]. Các nguồn tài liệu thứ cấp cho biết, cư dân đầu tiên sinh sống trên đảo Cù Lao Chàm là người Sa Huỳnh, kế tiếp là người Chăm và đến thế kỷ XVII là người Việt [Nguyễn Chí Trung và Võ Hồng Việt, 2014: 95]. Người Việt ra hòn đảo này qua nhiều thời kỳ khác nhau. Lớp cư dân người Việt đầu tiên ra đây, sau khi an cư lập nghiệp, họ đã xây chùa Hải Tạng vào năm Cảnh Hưng thứ 19 (1758), lập đình Đại Càn vào năm 1761 thờ thần biển, xây miếu thờ Ngũ hành Tiên nương và lăng Ngư Ông vào những năm đầu của thế kỷ XIX nhằm đáp ứng nhu cầu đời sống tín ngưỡng của người dân vào lúc bấy giờ. Sau khi người Việt ra đảo sinh sống ngày càng đông, các di tích văn hóa của lớp cư dân Sa Huỳnh, Lâm Ấp, Chăm Pa ở đây dần dần bị phai nhạt; dưới tác động của quá trình phát triển lịch sử, bang giao thương mại Á-Âu và giao lưu văn hóa giữa các tộc người, quốc gia với nhau nên nó chỉ còn là những phế tích, dấu tích được phát hiện qua kết quả khai quật khảo cổ học vào mấy chục năm gần đây (năm 1993, 1998-1999, 2017, 2018). Hiện tại, có thể thấy, các yếu tố văn hóa vật chất và tinh thần của người Việt trên hòn đảo này còn được bảo tồn và phát huy trong phát triển du lịch cộng đồng tương đối hiệu quả.

Cù Lao Chàm là một cụm gồm 8 hòn đảo: Cù Lao, Khô Mẻ, Khô Con, Lá, Dài, Mỏ, Tai, Ông; trong đó hòn Cù Lao có diện tích tự nhiên lớn nhất, với 15,2km² và có người sinh sống. Trước đây, Tân Hiệp là một thôn của xã Cẩm An thuộc thị xã Hội An, tỉnh Quảng Nam. Khoảng trước năm 1960, số hộ ở Cù Lao Chàm không nhiều, với vài nóc nhà định cư trên đảo. Từ năm 1960-1968, số hộ ra đảo sinh sống đông dần lên, khoảng 84 ngôi nhà, trong đó số lượng tập trung nhiều nhất ở Bãi Làng khoảng 60 hộ, còn lại là xóm Cẩm và Bãi Hương [Trần Thanh Hoàng Phúc, 2019: 209]. Đặc biệt, ngày 25/7/1978, Ủy ban Nhân dân xã Cẩm An thực hiện chính sách di dân trong đất liền ra hòn Cù Lao để thành lập xã đảo Tân Hiệp, thuộc thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam. Theo số liệu dân số năm 2021, toàn xã có 611 hộ, 2110 người (934 nữ, 1176 nam), trong đó thôn Bãi Ông có 267 hộ, 920 người, thôn Bãi Làng 244 hộ, 870 người và thôn Bãi Hương là 100 hộ, 320 nhân khẩu². Cuộc sống mưu sinh của ngư dân ở đây chủ yếu là ngư nghiệp, kết hợp với nông - lâm nghiệp, dịch

vụ du lịch. Tiềm năng phát triển du lịch khám phá hệ sinh thái rừng, biển và văn hóa biển đảo rất hấp dẫn, thu hút nhiều khách du lịch trong và ngoài nước. Hoạt động kinh tế chủ yếu của người dân hiện nay là đánh bắt thủy sản trên biển và phát triển dịch vụ du lịch cộng đồng (homestay), góp phần nâng cao mức sống của người dân tốt hơn so với trước năm 2000, tổng thu nhập toàn xã năm 2021 đạt 89,41 tỷ đồng, thu nhập bình quân đầu người đạt 46,21 triệu/người/năm³.

2. Tín ngưỡng thờ cúng cá Ông của ngư dân Cù Lao Chàm

2.1. Nguồn gốc tín ngưỡng

Về nguồn gốc tập tục, tín ngưỡng thờ cá Ông của ngư dân ven biển ở nước ta đã có nhiều công trình nghiên cứu. Một số tác giả đưa ra luận điểm, tín ngưỡng thờ cúng cá Ông ở miền Trung bắt nguồn từ văn hóa của người Chăm. Theo giả định của Ngô Văn Doanh, nhà nghiên cứu văn hóa Chăm: "... Rất có thể việc thờ phụng thần Pô Riyak của người Chăm đã có một ảnh hưởng không nhỏ đến sự ra đời của tục thờ cá Ông của người Việt ở Trung Bộ và Nam Bộ" [Ngô Văn Doanh, 2021: 185]. Tác giả của bài viết này sẽ tiếp cận từ góc độ nhân học văn hóa để tìm hiểu các giá trị di sản văn hóa qua thực hành tín ngưỡng thờ cá Ông và lễ hội Cầu ngư đã ăn sâu trong tiềm thức lâu đời của ngư dân Cù Lao Chàm.

Hiện tại có nhiều truyền thuyết liên quan đến tín ngưỡng thờ cúng cá Ông ở nước ta và có nhiều dị bản khác nhau đã được nhà nghiên cứu văn hoá dân gian Nguyễn Thanh Lợi tổng hợp. Về *Nho giáo*, ngư dân vạ chài kể rằng, một chàng sĩ tử bị thầy đồ rút gươm chém đầu và hóa thành cá Ông, suốt bốn mùa bơi lội trên biển cứu người bị nạn. Về *Phật giáo*, sự tích kể rằng, một hôm Phật Bà Quan Âm tuần du trên Biển Đông, thấy người dân khổ ải phải ra biển kiếm ăn trong điều kiện thời tiết giông bão, đe dọa đến tính mạng con người và thuyền, ngư cụ. Phật Bà thấu triệt được nỗi cơ hàn của ngư dân nên đã xé vụn chiếc áo cà sa của mình đang mặc quăng xuống biển, biến thành vô vàn con cá có thân hình to lớn, cùng với "phép thâm đường" để cá có thể bơi thật nhanh, làm nhiệm vụ cứu người giữa bão tố đại dương... Về *thần thoại văn hóa Chăm*, cá Ông vốn là hóa thân của vị thần Cha-Aih-Va, vì nôn nóng trở về xứ sở sau thời gian rèn luyện phép thuật đã

cải lại lời thầy, biến thành cá Ông và đổi tên, tự xưng là Pô Riyak (thần sóng biển); cũng có lúc biến thành thiên nga, trở thành ân nhân của những người đi biển [Nguyễn Thanh Lợi, 2006: 52].

Với các bậc cao niên làm ngư nghiệp ở Cù Lao Chàm mà tác giả đã tiếp cận nghiên cứu, phỏng vấn sâu trong chuyến điền dã tháng 12/2018 và tháng 3/2021, họ thường kể về hai câu chuyện sau đây:

Một là, sự tích liên quan đến Phật Bà Quan Âm Nam Hải hóa thân thành cá Ông đi cứu giúp ngư dân ngoài đại dương khi thuyền gặp nạn trong giông bão. Ngoài ra, còn một câu chuyện khác về sự hiển linh của Phật Bà Quan Âm Nam Hải. “Bãi Bụt” dưới chân bán đảo Sơn Trà (Đà Nẵng) là nơi đã cứu giúp ngư dân vạ chài Nam Thọ thoát khỏi cơn đại hồng thủy. Sau khi nước biển rút, trên bãi lộ ra pho tượng Phật Bà Quan Âm, vì vậy ngư dân gọi đây là “bãi Bụt”⁴. Chúng tôi nhận thấy tín ngưỡng thờ Phật Bà Quan Âm Nam Hải giữ vai trò quan trọng trong đời sống tín ngưỡng của ngư dân miền Trung, nên nhiều người còn nhớ sự tích về Phật Bà Quan Âm Nam Hải hóa thân thành cá Ông với sự tích nêu trên. Đợt điền dã tháng 12/2018, tại quận Ngũ Hành Sơn (Đà Nẵng), chúng tôi đã phát hiện một miếu thờ dưới chân núi Kim Sơn (xóm Sơn Thủy) có hình tượng Phật Bà Quan Âm Nam Hải đứng trên lưng con cá lớn trong tư thế vượt sóng ngoài đại dương. Theo các bô lão trong xóm Sơn Thủy, trước năm 1990, nhiều hộ gia đình ở đây vẫn còn làm nghề đi biển. Bởi vậy, câu chuyện Phật Bà Quan Âm Nam Hải biến hoá thành cá Ông còn được nhiều người lưu truyền đến nay. Đặc biệt, trên hòn đảo này có chùa Hải Tạng thờ Phật Bà Quan Âm Nam Hải, trong quá trình giảng kinh pháp, nhà chùa cũng thường nhắc đến truyền thuyết Phật Bà Quan Âm Nam Hải hoá thân thành cá Ông để cứu ngư dân gặp nạn trên biển.

Hai là, truyền thuyết cá Ông được gắn với những năm đầu lập nước của vua Gia Long. Các bô lão ở miền Trung và Cù Lao Chàm thường kể: Khi Nguyễn Ánh bị quân Tây Sơn truy đuổi phải tháo chạy ra biển, thuyền của Nguyễn Ánh gặp phải sóng to, gió lớn, trong lúc nguy nan bỗng thấy có cá Ông to lớn ghé đến đưa thuyền vào bờ. Sau này thắng quân Tây Sơn và lên ngôi vua, lấy niên hiệu Gia Long (1802), nhớ ơn cứu mạng, vua Gia Long đã phong tặng cá Ông là

Nam Hải đại tướng quân và cho ngư dân lập lăng, miếu để thờ cúng, hương khói quanh năm⁵. Sau khi chùa Hải Tạng được xây dựng ở Cù Lao Chàm, ngư dân thường đến chùa hành lễ, cầu nguyện và những câu chuyện về truyền thuyết Phật Bà Quan Âm Nam Hải hóa thành cá Ông để cứu giúp đoàn thuyền của vua Gia Long gặp nạn ngoài biển cũng được mọi người chia sẻ cho nhau. Hai truyền thuyết này, ngư dân Cù Lao Chàm thường chia sẻ cho các thành viên trong cộng đồng vào dịp lễ hội hay có khách du lịch đến thăm hỏi. Hơn nữa, cuộc sống ngư dân ở đảo Cù Lao Chàm chủ yếu là đánh bắt cá ngoài khơi, xa đất liền, thường gặp nhiều rủi ro, họ tin rằng thần cá Ông luôn phù hộ cho ngư dân khi đi lại và đánh bắt trên biển. Vì vậy, họ luôn nâng cao ý thức bảo tồn lăng Ngư Ông để duy trì, trao truyền, kế tục thực hành nghi lễ thờ cúng thần Nam Hải. Sự ảnh hưởng của văn hóa Phật giáo tới các ngư dân trên đảo rất phổ biến. Vào ngày 30, mùng 1; 14 và 15 âm lịch hằng tháng, các hộ gia đình ở đây đều ăn chay, lên chùa Hải Tạng tụng kinh niệm Phật. Đặc biệt niềm tin trong tín ngưỡng thờ cá Ông của ngư dân vùng biển nói chung và ở đảo Cù Lao Chàm nói riêng được tăng lên khi triều đình phong kiến nhà Nguyễn sắc phong cho cá Ông với các từ mỹ tự: “Nam Hải cự tộc Ngọc Lân tôn thần”, “Nam Hải cự tộc Ngọc Lân thượng đẳng thần”, “Đại Càn Quốc gia Nam Hải đại vương”, “Nam Hải đại tướng quân”, “Nam Hải đại tướng Dã Xa”,... với công trạng hộ quốc an dân, bảo hộ, cứu nguy người đi biển [Nguyễn Phước Bảo Đàn, 2017: 58] và cho ngư dân ven biển xây lăng, lập miếu thờ nhận làm thành hoàng, danh xưng phúc thần với chức năng là thần biển [Trần Hồng, 2014: 27]. Hiện lăng Ngư Ông còn lưu giữ hai đạo sắc phong cho thần cá Ông, có niên hiệu Duy Tân thứ 5 (1911) và niên hiệu Khải Định thứ 9 (1924). Kết quả nghiên cứu thực địa cho thấy, các thôn trong xã Tân Hiệp đều có lập miếu, lăng, đình thờ cá Ông, nhưng chỉ có lăng Ngư Ông ở thôn Bãi Làng có kiến trúc đẹp, bảo tồn nguyên vẹn và có nhiều “ngọc cốt”, thần vị hơn cả.

2.2. Thực hành tín ngưỡng thờ cúng cá Ông ở Cù Lao Chàm

Thực hành tín ngưỡng thờ cúng cá Ông của ngư dân đảo Cù Lao Chàm chủ yếu diễn ra tại lăng Ngư Ông ở Bãi Làng và đình thờ tổ nghề khai thác yến sào ở Bãi Hương với quy mô rộng lớn và mang

tính liên kết cộng đồng, xã hội cao. Ngoài ra còn có một số ngôi miếu cũng có thờ “ngọc cốt” cá Ông nhưng do quy mô không gian thờ cúng nhỏ và cách xa trung tâm dân cư nên quy mô nghi lễ nhỏ hơn. Với không gian sinh sống ngoài đảo luôn gặp nhiều rủi ro mỗi chuyến ra khơi, cộng với niềm tin vào sự linh ứng của thần cá Ông nên người dân Cù Lao Chàm thường đến để thắp hương và “xin keo” trước mỗi chuyến ra khơi dài ngày. Khách du lịch cũng thường đến đây khấn cầu các điều may mắn cho bản thân, gia đình. Với ngư dân, trong trường hợp “xin keo” không được, họ thường lùi ngày đi biển. Người phụ trách trông coi lăng Ngư Ông cho biết: “Tôi đi biển từ khi mười lăm tuổi, đến năm bảy mươi tuổi, sức yếu tôi không đi biển nữa. Suốt cuộc đời đi biển của mình, tôi cùng các ngư dân khác đánh bắt ở nhiều ngư trường, ra đến tận cả Hoàng Sa, Trường Sa và không ít lần gặp phải sóng to, gió lớn, nhưng chưa lần nào thuyền của tôi gặp phải nguy hiểm trên biển. Bởi khi có hiện tượng bất an, tôi thường khấn cầu thần biển, một vài phút sau, cá Ông liền hiện đến. Cá Ông ghé sát mạn thuyền để chắn sóng, thuyền lướt qua sóng gió hãi hùng. Hơn nữa, trước khi ra khơi, tôi đều ra lăng Ngư Ông thắp hương và xin thần biển Nam Hải phù hộ. Nay tôi không còn đi biển, cộng đồng cất cử ra trông coi lăng, coi như mình tạ ơn thần cá Ông đã phù hộ cho mình⁶. Từ câu chuyện kể trên, chúng tôi liên hệ tới quan điểm của Malinowski khi ông cho rằng, thực hành tín ngưỡng, tôn giáo, đặc biệt là ma thuật, có chức năng tâm lý quan trọng đối với bất kỳ cá nhân nào nhằm cân bằng, thỏa mãn nhu cầu tinh thần của họ trong điều kiện bất trắc có thể xảy ra [Dương Hoàng Lộc, 2017: 660]. Việc tôn sùng, tín bái cá Ông là một tập tục có từ lâu đời của ngư dân ven biển miền Trung nước ta nên các di tích thờ “ngọc cốt” cá Ông luôn được cộng đồng cất cử nhau thắp hương ngày hai lần vào sáng sớm và chiều tối, với tấm lòng thành kính. Quan niệm của họ cho rằng, cá Ông là vị thần biển có nhân tính, thường xuất hiện cứu những người bị nạn trên biển; là vị cứu tinh kịp thời của ngư dân trên đại dương khi gặp thủy tai. Vì vậy, khi cá Ông bị “lụy” do đánh nhau với cá mập, cá xà hay vì lý do nào đó mà trôi dạt vào bờ thì ai nhìn thấy có nhiệm vụ phải làm đám tang, chịu tang theo hướng dẫn trong sách *Thọ mai gia lễ*, sau đó chôn cất, cải táng, đưa xương Ông vào lăng thờ cúng⁷.

Tín ngưỡng thờ cá Ông của ngư dân ở đây chỉ diễn ra tại di tích của cộng đồng và được biểu hiện rất phong phú về đối tượng thờ cúng và nội dung thực hành nghi lễ, không chỉ vào ngày sóc vọng trong tháng, ngày lễ tết trong năm, ngày hội Nghinh Ông mà còn cả ngày thường. Xưa kia cũng như hiện tại, ngư dân luôn tôn thờ, sùng kính và tin tưởng vào sự phù hộ của loài cá lớn này bằng nhiều hình thức khác nhau. Có ngư dân đầu năm đến chùa Hải Tạng làm lễ cầu an vào ngày 15 tháng Giêng, hay có gia đình cẩn thận hơn đi vào trong đất liền đến nhà pháp sư xin bùa hộ mệnh cho người thân đi biển. Sau mỗi chuyến ra khơi và thuyền trở về bến, họ lại vào lảng thắp hương khấn cầu tạ ơn thần biển. Điều này cho thấy, tín ngưỡng thờ cá Ông phản ánh sự may rủi của con người trước những bất trắc khó lường của biển cả cũng như sự cầu mong được may mắn, bình an, đánh bắt được nhiều tôm cá, cuộc sống gia đình ấm no, hạnh phúc. Trong những trường hợp bất trắc và kết quả càng bấp bênh thì con người có xu hướng cần đến nghi lễ và phù phép. Việc trấn an trước rủi ro bằng các phương thức ma thuật và tôn giáo là một phương thức ứng xử đặc biệt, giúp con người nâng cao niềm tin, chiến thắng được sợ hãi, tự tin và lạc quan [Nguyễn Đăng Hựu, 2016: 29]. Điều này cho thấy, mỗi loại hình tín ngưỡng đều được tạo thành bằng những yếu tố đa dạng khó mà phân biệt được cái thứ yếu và cái chính và cái chủ chốt với cái phụ thuộc [Émile Durkheim, 2006: 62].

Ở khu vực Bãi Làng còn có đình Đại Càn. Nguồn tư liệu hiện còn cho biết, đình Đại Càn được xây dựng vào thế kỷ XVIII, ngoài để thờ các vị thần Đại Càn Quốc gia Nam Hải Tứ vị Thánh nương, Nam Hải Ngọc Lân tôn thần, Ngũ hành Tiên nương, còn phối thờ các bậc tiền hiền, hậu hiền của làng. Do nhiều tác nhân, đến nay đình Đại Càn đã bị sụp đổ chỉ còn lại nền móng đình, bức bình phong hình cuốn thư, một trụ hoa biểu và tấm bia đá khắc chữ Hán có niên hiệu Cảnh Hưng thứ 22 (1761). Nội dung trên tấm bia bị mờ không đọc được chữ Hán. Song theo nguồn tư liệu hồi cố của dân gian, khởi điểm xây dựng ban đầu đình Đại Càn có quy mô lớn, được xây dựng từ khá sớm và là một di tích tín ngưỡng quan trọng của cộng đồng cư dân trên đảo. Hiện nay không gian của di tích này bị thu hẹp do người dân làm nhà ở

trong khuôn viên đình nên mọi nghi lễ của lễ hội Cầu ngư được tổ chức vào ngày mùng ba và mùng bốn tháng Tư âm lịch hằng năm đều diễn ra tại lăng Ngư Ông. Có thể nhận diện, thờ cúng cá Ông là một phong tục, tín ngưỡng đặc sắc của ngư dân làm nghề biển và triều đình phong kiến nhà Nguyễn đã nhiều lần ban sắc phong, gia tặng các mỹ tự nhằm mục đích tôn vinh thần biển Nam Hải đại vương (cá Ông) và cho ngư dân lập lăng thờ, cấp đất hương hỏa để tạo điều kiện cho việc thờ cúng.

Lăng Ngư Ông ở Bãi Làng được xây dựng vào cuối thế kỷ XIX, là công trình kiến trúc thờ cá Ông điển hình nhất ở Hội An. Năm 2006, lăng Ngư Ông đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xếp hạng di tích cấp quốc gia. Lăng được lợp mái ngói âm dương theo kỹ thuật tạo hình “sóng nước”, nên khi trời có mưa to, nước chảy xuống rất nhanh; kiến trúc lăng thấp, hạn chế được gió bão làm sập mái. Để tăng thêm vẻ đẹp, cổ kính và linh thiêng, khi xây lăng, cộng đồng đã quyên góp các hộ gia đình, nhà nào có các đĩa gốm men lam thì mang ra lăng để trang trí trên hiên trước cửa gian tiền tế. Lăng xây dựng theo thuyết phong thủy, mặt hướng ra biển và bố cục kiến trúc theo hình chữ đinh (丁). Phía trước sân là bức bình phong hình cuộn thư án ngữ, với đồ án trang trí bên ngoài hình linh vật “long mã” (mình ngựa đầu rồng) trong tư thế chạy trên mây, mang ý nghĩa công vũ trụ để cho âm - dương giao hoà, trời - đất, thánh thần - con người hoà cùng làm một; phía bên trong của bức bình phong đắp nổi hình “thần ngư vọng nguyệt” (cá chép ngắm trăng), vừa là biểu tượng trang trí, vừa mang ý nghĩa trấn giữ ngôi đền linh thiêng và bảo hộ cho dân làng đi biển được thuận lợi, bình an, may mắn, theo quan niệm của Đạo giáo⁸.

Kiến trúc chính điện và hậu cung (*hậu tẩm*) theo kiểu cuộn mái vòm đặc trưng, mái lợp ngói âm dương; trên bờ nóc đắp hình “lưỡng long châu nhật” (hai đầu rồng châu vào mặt trời); dưới hàng ngói hiên chính điện được gắn những chiếc đĩa cổ men lam với hình hoa văn trang trí cỏ cây hoa lá tạo cho di tích thêm vẻ cổ kính, linh thiêng, đẹp đẽ. Hậu cung là nơi cất giữ “ngọc cốt” cá Ông gói trong vải đỏ, bảo quản trong hòm và luôn được khóa kín cửa để tránh người dân hay

chó, mèo đi vào bên trong. Theo tập tục, trước ngày hội, cửa hậu cung được mở ra để bao sái (lau chùi) sạch sẽ, hết hội thì đóng lại. Tất cả thực hành nghi lễ thấp hương, dâng lễ vật, khấn cầu đều ở bên ngoài. Phía trước hậu cung là ban thờ đặt mười ba thần vị của thần cá Ông với nhiều tên gọi khác nhau: Nam Hải đại vương, Nam Hải đại tướng quân; Nam Hải Ngọc Lân tôn thần, Ông Chuông, Ông Kiếm, Ông Mực..., với nhiều kiểu dáng thần vị cao, thấp; trang trí hoa văn; ý nghĩa số lượng chữ Hán ghi trên thần vị có sự khác nhau. Ở đảo Cù Lao Chàm, khi cá Ông bị “lụy”, sau một thời gian chôn cất, cộng đồng lấy “ngọc cốt” đưa vào lăng thờ, họ liền làm bài vị thần cá Ông và đặt tên gọi theo hình dáng hoặc màu sắc của cá Ông, như Ông Chuông (đầu cá hình tròn gần giống như chiếc chuông), Ông Kiếm (đầu cá hơi nhọn), Ông Hắc (mình cá có da màu đen), Ông Bạch (da cá có màu trắng). Điều đặc biệt là ở lăng Ngư Ông có tới mười ba thần vị cá Ông thờ trong lăng, điều này cũng đồng nghĩa là thôn Bãi Làng đã mười ba lần gặp cá Ông bị “lụy” và họ phải chịu tang cá Ông giống như người thân trong gia đình. Bên cạnh chính điện là hai ban thờ Tiền hiền và Hậu hiền của các dòng họ trong đất liền ra lập làng ở thời kỳ đầu tại Cù Lao Chàm được cộng đồng phối thờ trong lăng.

Như vậy, ở lăng Ngư Ông không chỉ thờ thần vị, “ngọc cốt” cá Ông mang tính biểu tượng của thần biển mà còn phối thờ cả nhân thần. Phàm những khi vào lộng ra khơi, ngư dân làm nghề biển đến lăng, họ thường thấp hương tất cả các ban thờ bên trong lăng và ngoài sân. Thông qua cách thức thực hành nghi lễ, cộng đồng bày tỏ tấm lòng của mình với thần linh với mong muốn được các vị thần che chở, phù hộ. Vào ngày mùng một và ngày rằm hằng tháng, người trông coi lăng Ngư Ông thường mua lễ vật dâng cúng thần cầu an cho cả cộng đồng đi biển được thuận lợi, đánh bắt được nhiều tôm cá và trở về nhà được an toàn. Nguồn kinh phí này được trích ra từ quỹ trong hòm công đức. Ngoài ra, vào các ngày sóc vọng, lễ tết trong năm, các hộ gia đình trong thôn thường mang lễ vật ra lăng Ngư Ông, đền Bà Bạch, miếu thờ Ngũ hành Tiên nương thấp hương khấn xin các vị thần biển phù hộ cho gia đình, chồng, con đi biển được an toàn. Những gia đình có công việc đại sự, trước ngày mua, đóng, sửa thuyền; mỗi chuyến đi

biển; cưới xin, tang ma, làm nhà hay vào đất liền đi làm ăn xa, họ cũng ra lặn thả hương thần cá Ông. Những thực hành nghi lễ nêu trên của ngư dân đã thể hiện rõ tục tín của mình với thần biển bằng tấm lòng sùng kính. Việc thực hành nghi lễ không chỉ mang tính cá nhân, cộng đồng ngư dân sở tại mà còn có cả sự phối hợp chặt chẽ từ chính quyền địa phương, đoàn thể, đơn vị, doanh nghiệp, Trung tâm Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An, được thể hiện trong dịp tổ chức lễ hội cầu ngư truyền thống thường niên tại làng Ngư Ông.

Có thể nói, thần Nam Hải đại vương không chỉ mang chức năng về niềm tin tôn giáo mà còn liên kết các thành viên trong cộng đồng, các tổ chức xã hội qua các thế hệ để tái tạo, trao truyền, kế thừa các giá trị di sản văn hóa trong thực hành nghi lễ, lễ hội. Đây được xem là nét đặc trưng văn hóa trong thực hành nghi lễ dân gian của người Việt ở miền Trung, trong đó có cư dân Cù Lao Chàm.

3. Lễ hội Nghinh Ông tại làng Ngư Ông, Cù Lao Chàm

Ngư dân tổ chức lễ hội tại làng Ngư Ông vào hai ngày mùng ba và mùng bốn tháng Tư âm lịch hàng năm. Sự kiện này trùng hợp với ngày đưa “ngọc cốt” cá Ông đầu tiên vào làng thờ. Lễ hội Nghinh Ông gồm hai phần chính là phần nghi thức tế thần và phần hội.

3.1. Nghi thức tế thần cá Ông

Để thực hiện nghi lễ tế thần cá Ông trang nghiêm, chính quyền xã hợp với trưởng Ban Quản lý di tích, các cán bộ chủ chốt cơ quan đoàn thể, trưởng thôn, trưởng vạn, người trông coi lăng về việc chuẩn bị triển khai lễ hội, cách thức tế thần, đọc chúc văn, tiếp khách. Trước ngày khai hội, đường làng, ngõ xóm, bãi biển được quét dọn sạch sẽ; xung quanh di tích được trang trí cờ hội, cờ thần thêm phần long trọng. Khác với ở trong đất liền là bờ biển thoải với bãi cát trắng chạy dài và dân cư đông đúc nên có nhiều người dân tham dự, lễ vật dâng cúng thịnh soạn và quy mô lễ hội tương đối lớn; ở đảo Cù Lao Chàm, do dân cư ít, địa hình bãi cát ven biển hẹp nên không thể tổ chức rước kiệu đi dọc ven bờ biển, quy mô của lễ hội tương đối nhỏ. Tuy nhiên, diễn trình nghi lễ ở trong không gian di tích thì tương đối giống nhau về trình tự.

Ngày mùng ba tháng Tư âm lịch, Ban Khánh tiết tổ chức bài trí hương án (*trần thiết*) trong lăng; đến tối cùng ngày thì tiến hành cúng lễ cáo yết (còn gọi là *lễ túc* hay *lễ tiên thường*) và làm lễ bao sái (*mộc dục*) đồ thờ, “ngọc cốt”, nhạc khí, thần vị. Những người tham gia bao sái đồ thờ là nam giới, thanh tịnh, nhà không có tang, khoẻ mạnh, vợ chồng hạnh phúc; trong đó ưu tiên người trông coi lăng và người đang chịu tang cá Ông tham gia nghi lễ này. Tiếp theo, người trông coi lăng lấy một phần “ngọc cốt” của cá Ông “lụy” (chết) đầu tiên và “ngọc cốt” của cá Ông mới cải táng đưa xương vào lăng, đều được gói kín bằng vải đỏ, đặt ngay ngắn trên mâm lễ để ngư dân vào lễ bái. Vào ngày lễ, tất cả người dân trong thôn, bao gồm cả những người không làm nghề đi biển (kinh doanh dịch vụ du lịch, nhà nghỉ, buôn bán, cán bộ xã, bộ đội biên phòng, y tế, lái tàu thuyền, ca nô,...) đều tới lăng Ngư Ông dâng hương cúng thần biển. Ngày mùng bốn được xem là ngày lễ chính, Ban Khánh tiết tiến hành nghi lễ túc yết cá Ông, lễ cầu an, lễ tế Tiên hiền - Hậu hiền tại lăng và lễ Nghinh Ông ở ngoài biển khơi. Lễ Nghinh Ông diễn ra hết sức long trọng. Để tiến hành nghi lễ, Ban Khánh tiết thiết lập kiệu thần (kiệu tứ công) đặt lên một chiếc thuyền lớn của ngư dân, trên thuyền được trang trí cờ thần, cờ hội, cờ đuôi nheo, hoa, quả, hương, nến trông rất long lẫy và linh thiêng.

Trong hai ngày diễn ra lễ hội, người trông coi lăng và các thành viên trong Ban Khánh tiết thay phiên nhau túc trực ngày đêm để trông coi đèn, tra thêm dầu hỏa, thắp hương, tránh để đèn, hương bị tắt. Người dân quan niệm, ánh sáng của đèn/nến, hương thắp, biểu hiện cho các vị thần biển, Phật Bà Quan Âm Nam Hải, Nam Hải đại vương, Tiên hiền - Hậu hiền, Thành hoàng bản xứ đã về ngự trong lăng. Nếu đèn, hương luôn cháy sẽ mang lại các điều may mắn, các vị Phật, Thánh, thần linh bản xứ, thần biển sẽ ban phát cho ngư dân được mạnh khoẻ, bình an; đi biển được thuận buồm xuôi gió, đánh bắt được nhiều hải sản. Ngược lại, trong ngày chính hội xảy ra việc ngoài ý muốn hay ngọn đèn/nến bị tắt, nghĩa là có điềm không may mắn trong năm đã được các vị thần biển báo trước⁹.

Để cho ngày hội diễn ra được chu toàn, cộng đồng đưa ra những tiêu chí lựa chọn chủ thuyền để đặt lễ, rước kiệu lên thuyền, thực hiện nghi

thức Nghinh Ông phải là người khoẻ mạnh, vợ chồng song toàn, sinh con có cả trai và gái, gia đình văn hóa, nhà không có tang và năm đó không “đóng” tuổi bốn chín, năm ba, không bị cung sao Thái Bạch chiếu mạng. Trên thuyền, ngoài hương án có bát hương, thần vị, đèn cầy, hoa quả và treo mảnh vải đỏ làm nơi đánh dấu chỗ thần ngự và có đội âm nhạc đánh chiêng, trống, thổi tù và bằng ốc biển theo phong tục của ngư dân. Họ đều mặc trang phục truyền thống thường thấy trong các nghi lễ tế lễ thần ở miền Trung. Sau lễ nghinh thần Nam Hải đại vương ngoài biển, khi kiệu vào tới đất liền thì dừng ở bãi biển trước lăng Ngư Ông. Ban Khánh tiết khênh kiệu vào đặt trước sân lăng, sau đó người trông coi lăng thành kính rước bát hương vào đặt trên bàn thờ. Tiếp theo là nghi thức tế chung Nam Hải Cự Tộc Ngọc Lân chư thần vị (mười ba thần vị); đồng thời thỉnh Phật Thánh, thần linh, thành hoàng bản xứ, Tiền hiền - Hậu hiền đồng thủy phối hưởng. Lễ tế ở lăng Ngư Ông gồm ba phần chính: sơ hiến lễ, á hiến lễ và chung hiến lễ. Mỗi phần lễ đều có xướng tế, đọc văn tế (chúc văn) và các thành viên của ban tế đi ra dâng lễ vật, tiến cúng lễ vật cho thần. Thành phần tham dự chủ yếu trong lễ tế, gồm ông thủ lăng, người soạn-đọc văn tế, Ban Khánh tiết, các cụ cao tuổi, cư dân địa phương và ngư dân thôn Bãi Làng lễ tế, các hộ gia đình lần lượt vào thắp hương, dâng lễ vật cúng thần, với tâm thức thành tâm, sùng kính thần cá Ông.

Song song với nghi lễ nghinh thần vào lăng, thầy cúng cùng ngư dân tiến hành nghi lễ cúng cô bác, âm linh là những người tử nạn ở ngoài biển khơi để cầu an, cầu siêu, mong muốn các vong linh phù hộ cho ngư dân được bình an mỗi lần đi ra biển. Lễ cúng âm linh kéo dài khoảng hơn một giờ, sau đó người ta hóa vàng mã. Việc dâng cúng đồ mã và đồ cúng chúng sinh cho các âm linh, cô bác được thực hiện bằng cách thả trực tiếp xuống biển, chứ không hoá (đốt) như làm lễ cúng thần linh, âm linh tại các gia đình trong đất liền. Đến chiều ngày mùng bốn, người trông coi lăng Ngư Ông cùng chủ tế và Ban Khánh tiết đại diện cho cộng đồng ngư dân làm lễ tạ ơn thần, kết thúc phần nghi lễ.

Ở đây mỗi nghi lễ có một chức năng và ý nghĩa khác nhau, góp phần tạo nên tính đa dạng trong không gian thiêng của di tích và trong

thực hành nghi lễ, lễ hội. Lễ hội Nghinh Ông được xem là một biểu tượng của niềm tin vào thờ thần biển và là lễ hội quan trọng nhất trong năm của những người mưu sinh bằng nghề biển. Điều này cũng phù hợp với quan điểm với Victor Turner khi ông nhận định: “Biểu tượng nghi lễ trở thành một thành tố trong hành động xã hội, một sức mạnh trong phạm vi hoạt động. Biểu tượng luôn gắn liền mật thiết với những quyền lợi, mục đích, ý nghĩa, phương tiện của con người cho dù những cái này hiện hữu rõ ràng hay phải luận ra từ những hành vi quan sát được” [Dương Hoàng Lộc, 2017: 666].

3.2. Phần hội

Lễ hội cầu ngư thuộc về cộng đồng của ngư dân làm nghề biển từ miền Bắc vào tới Nam Bộ. Có thể nói, nơi nào có ngư dân sinh sống, làm ăn ở ven biển thì nơi đó có lăng, miếu, đình để thờ cá Ông. Phần hội thường diễn ra sau khi kết thúc lễ tế thần cá Ông tại lăng Ngư Ông hoặc sau lễ Nghinh Ông ở ngoài biển rước Nam Hải đại vương vào lăng. Ở xã đảo Tân Hiệp không có đội hát *bả trạo* (chèo cạn) nên thường mời đội hát *bả trạo* từ thành phố Hội An ra đảo biểu diễn vào tối mùng ba tháng Tư âm lịch, trước ngày chính hội. Địa điểm hát chèo *bả trạo* có năm diễn ra ở trước sân lăng hoặc ở bãi cát ngay cạnh bờ biển, gần với khu vực các thuyền neo đậu để chờ tham gia lễ Nghinh Ông. Tùy thuộc vào kinh phí lễ hội của từng năm nhiều hay ít, ban tổ chức lễ hội sẽ có các tiết mục hoạt động khác nhau. Năm nào có kinh phí nhiều thì ngư dân thường tổ chức thêm các hoạt động thể thao vui chơi giải trí, như đua thuyền, lắc thúng chai, kéo co, hát bội; nếu kinh phí hạn hẹp thì thường chỉ tập trung tổ chức phần nghi lễ, không có phần hội mang tính vui chơi, giải trí, đua tài.

Kết luận

Tín ngưỡng và lễ hội thờ cúng cá Ông của ngư dân Cù Lao Chàm đã phản ánh được các yếu tố tự nhiên, kinh tế, văn hóa, xã hội, tôn giáo, tín ngưỡng của người dân nơi đây. Tín ngưỡng thờ cúng cá Ông ở Cù Lao Chàm thể hiện sự tôn kính và đức tin sâu đậm của cộng đồng ngư dân đối với cá Ông, đồng nhất cá Ông với thần biển, thành hoàng, phúc thần. Đó là sự thể hiện lòng thành kính đến thần Nam Hải đại vương, mong muốn được phù hộ cho mỗi chuyến ra biển được an

toàn, đánh bắt được nhiều hải sản và hơn nữa là mong ước của ngư dân phát triển nghề khai thác biển hiệu quả và bền vững. Đặc biệt, với ngư dân ở đảo Cù Lao Chàm, tín ngưỡng thờ cá Ông được bảo tồn khá nguyên vẹn, ít chịu ảnh hưởng bởi sự giao thoa với các loại hình tín ngưỡng khác.

Nhìn chung, tín ngưỡng và lễ hội thờ cá Ông ở đây vừa thể hiện chức năng cổ kết cộng đồng xã hội, vừa thể hiện ý thức bảo tồn, kế tục, phát huy di sản văn hóa thờ cúng cá Ông vào trong đời sống đương đại. Thông qua cách thức thực hành nghi lễ và tổ chức lễ hội, khách du lịch và người dân địa phương có cơ hội hiểu biết thêm về lịch sử, văn hóa và niềm tin tín ngưỡng của ngư dân làm nghề biển. /.

CHÚ THÍCH:

- 1 Xem thêm: Vũ Hồng Thuật (2014), “Lễ hội đình Trảng Vĩ”, Tạp chí *Văn hoá dân gian*, số 1, tr.3.
- 2 Số liệu Ủy ban nhân dân xã Tân Hiệp cung cấp, ngày 12/3/2022.
- 3 Số liệu Ủy ban nhân dân xã Tân Hiệp cung cấp, ngày 12/3/2022.
- 4 Tư liệu phỏng vấn ông Nguyễn, 76 tuổi, Bãi Giữa, ngày 18/3/2021.
- 5 Tư liệu phỏng vấn ông Huỳnh Hạnh, 80 tuổi, thôn Bãi Giữa, ngày 12/3/2021.
- 6 Tư liệu phỏng vấn ông Huỳnh Hạnh, 80 tuổi, thôn Bãi Giữa, ngày 15/3/2021.
- 7 Tư liệu phỏng vấn ông Trần Duy Cào, sinh 1950, Bãi Giữa, ngày 11/3/2022.
- 8 Tư liệu phỏng vấn ông Huỳnh Hạnh, 80 tuổi, thôn Bãi Giữa, ngày 15/3/2021.
- 9 Tư liệu phỏng vấn ông Huỳnh Hạnh, 80 tuổi, thôn Bãi Giữa, ngày 15/3/2021.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Quản lý du lịch Cù Lao Chàm, “Lễ hội cầu ngư ở Cù Lao Chàm”, Ban quản lý khu bảo tồn biển Cù Lao Chàm, <http://culaochammpa.com.vn>. Truy cập ngày 3/9/2021.
2. Ngô Văn Doanh (2021), “Thần sóng Pô Riyak của người Chăm: Nguồn gốc, quá trình tiếp biến và những di sản”, trong *Dấu ấn văn hóa Chăm pa ở miền Trung Việt Nam*, Nxb. Đà Nẵng, tr. 185-202.
3. Emile Durkheim (2006), “Tôn giáo như là một biểu tượng tập thể”, trong *Những vấn đề nhân học tôn giáo*, Nxb. Đà Nẵng, tr. 61-72.
4. Nguyễn Phước Bảo Đàn (2017), “Tục thờ cá Voi ở miền Trung Việt Nam”, trong: *Văn hoá biển đảo Việt Nam dưới góc nhìn văn hoá dân*

- gian, Vũ Quang Dũng tuyển chọn, Nxb. Công an Nhân dân, tập 2, Hà Nội, tr.56-60.
5. Nguyễn Xuân Đức (2017), “Tù đền thờ Đức Ông, Đức Bà ở Cảnh Dương nghĩ về tục thờ cá Voi của người Việt”, trong *Văn hoá biển đảo Việt Nam dưới góc nhìn văn hoá dân gian*, Vũ Quang Dũng tuyển chọn, Nxb. Công an Nhân dân, Hà Nội, tr. 83-99.
 6. Đinh Văn Hạnh (2017), “Sự phát triển hệ thống tín ngưỡng của người Việt trong quá trình di cư về phương Nam - Nhìn từ tục thờ cúng cá Ông”, trong *Văn hoá biển đảo Việt Nam dưới góc nhìn văn hoá dân gian*, Vũ Quang Dũng tuyển chọn, Nxb. Công an Nhân dân, Hà Nội, tr. 132-138.
 7. Nguyễn Thị Hiền (2012), “Khái niệm tôn giáo từ góc độ nhân học”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 10 (112), tr. 24-33.
 8. Nguyễn Duy Hình (2004), “Thần làng và Thành hoàng”, *Di sản văn hóa*, số 9, tr. 56-63.
 9. Trần Hồng (2014), *Các lễ hội vùng biển miền Trung*, Nxb. Văn hoá Thông tin, Hà Nội.
 10. Nguyễn Thị Hương (2021), Báo cáo Tình hình phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng an ninh năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2022 (Ủy ban Nhân dân xã Tân Hiệp cung cấp ngày 12/3/2022).
 11. Nguyễn Đăng Hựu (2016), “Tâm linh và ma thuật: Tìm kiếm an ninh tinh thần trong giao thông ở Việt Nam đương đại”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 9&10 (158), tr. 27-44.
 12. Nguyễn Văn Kim (chủ biên, 2020), *Người Việt với biển*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
 13. Dương Hoàng Lộc (2017), “Lễ hội Nghinh Ông của cộng đồng ngư dân ven biển Bến Tre - Trường hợp xã An Thủy (huyện Ba Tri) và xã Bình Thắng (huyện Bình Đại)”, trong *Văn hóa biển đảo Việt Nam dưới góc nhìn văn hóa dân gian*, Vũ Quang Dũng tuyển chọn, tập 2, Nxb. Công an Nhân dân, tr.659-674.
 14. Nguyễn Thanh Lợi (2006), “Tục thờ cá Ông ở ven biển Nam Trung Bộ”, Tạp chí *Văn hoá dân gian*, số 4 (106), tr.52- 60.
 15. Nguyễn Thanh Lợi (2014), *Một góc nhìn văn hoá biển*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
 16. Trần Thanh Hoàng Phúc (2019), “Nhà ở kiểu dáng kiến trúc truyền thống Cù Lao Chàm”, trong *Cù Lao Chàm: Đa dạng tài nguyên thiên nhiên, văn hóa và phát triển bền vững*, Kỷ yếu hội thảo khoa học, Ủy ban Nhân dân thành phố Hội An, Trung tâm Bảo tồn di sản văn hóa Hội An và Trường Khoa học xã hội và Nhân văn (Trường Đại học Quốc gia Hà Nội) đồng tổ chức, Hội An, ngày 6/9/2019.
 17. Nguyễn Duy Thiệu (2002), *Cộng đồng ngư dân ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

18. Vũ Hồng Thuật (2014), “Lễ hội đình Tràng Vĩ”, Tạp chí *Văn hoá dân gian*, số 1, tr.3-10.
19. Nguyễn Chí Trung (2007), Tổng quan về khảo cổ lịch sử Cù Lao Chàm, trong: *Kỷ yếu Cù Lao Chàm- Vị thế, tiềm năng và triển vọng*, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di tích Hội An xuất bản.
20. Nguyễn Chí Trung, Võ Hồng Việt (2014), “Biên niên Cù Lao Chàm”, trong *Thông tin nghiên cứu Cù Lao Chàm*, Trung tâm quản lý Bảo tồn Di sản văn hoá Hội An, tr.95-109.
21. Đỗ Thị Ngọc Uyển (2014), “Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu văn hoá phi vật thể ở Cù Lao Chàm”, trong *Thông tin nghiên cứu Cù Lao Chàm*, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản văn hoá Hội An, tr. 5-8.

Abstract

THE VIETNAMESE’ S BELIEF AND FESTIVAL OF CÁ ÔNG IN CÙ LAO CHÀM ISLAND, HỘI AN CITY, QUANG NAM PROVINCE

Vu Hong Thuat

Vietnam Museum of Ethnology, VASS

For generations, Vietnamese people have always had a mind towards the sea, both to make a living and to protect the nation’s territorial sovereignty. The land is always intertwined, blending with the ocean, forming a human ecological and safe environment when fishermen go to sea, however, there are many dangers when there are high waves and strong winds in the ocean. As a result, fishermen in coastal villages, which are concentrated in the central provinces, have formed a special cult of worshipping Cá Ông (a Big Fish or a whale). Although the customs, beliefs, and festivals of worshipping this fish among fishermen in the central provinces have similarities, in-depth research will reveal some differences in Cù Lao Chàm island. This article will focus on studying of Cá Ông worshipping beliefs and festivals on this island in order to show some unique values of intangible cultural heritage in Ngr Ông Tomb, Cù Lao Chàm.

Keywords: Belief; festival; Cá Ông; Vietnamese people; Cù Lao Chàm.